

Số: /KH - UBND

*Bắc Giang, ngày tháng năm 2020*

**KẾ HOẠCH**  
**Truyền thông Dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 137-NQ/CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số đến năm 2030.

- Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình truyền thông Dân số đến năm 2030.

- Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29/5/2020 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030.

- Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017; Nghị quyết 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 2327/KH-UBND ngày 02/6/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Giang thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Trong thời gian qua, công tác truyền thông, vận động, giáo dục chuyên đổi hành vi về dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả đáng kể. Truyền thông được xác định là một giải pháp cơ bản, được triển khai sâu rộng, thường xuyên ở các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể, tổ chức, cộng đồng, gia đình và từng nhóm đối tượng; trong đó truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng được chú trọng triển khai với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, các thông tin về dân số thường xuyên được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng Trung ương và địa phương, đặc biệt là Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thu hút sự chú ý và được dư luận xã hội quan tâm. Hoạt động phối kết hợp truyền thông lồng ghép về dân số với các hoạt động của các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị được triển khai có hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu dân số.

Hoạt động truyền thông nhân các sự kiện lớn như Ngày Dân số thế giới (11/7); Ngày Tránh thai thế giới (26/9), Ngày Quốc tế người cao tuổi (01/10), Ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10), Tháng hành động Quốc gia về dân số (Tháng 12) và Ngày Dân số Việt Nam (26/12),... được tổ chức với nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực, nhận được sự quan tâm ủng hộ, đồng thuận của người dân và xã hội về chính sách dân số.

Nội dung truyền thông đa dạng, sinh động, dễ hiểu, phương pháp truyền thông được tiếp cận phù hợp với các nhóm đối tượng trong cộng đồng, đưa vào các cuộc thi, giáo dục trong và ngoài nhà trường; truyền thông vận động, tư vấn, nói chuyện chuyên đề về dân số, sức khỏe sinh sản các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên, thanh niên, người cao tuổi, công nhân trong các doanh nghiệp... được tổ chức có hiệu quả với hàng trăm nghìn lượt người tham gia hàng năm.

Các mô hình truyền thông như “Câu lạc bộ dân số”, “Góc kiến thức” “Phòng Truyền thông”... được thành lập, duy trì hoạt động từng bước đạt hiệu quả; các hình thức truyền thông được đa dạng như: các cuộc thi, mít tinh, diễu hành, giao lưu tìm hiểu kiến thức; tọa đàm, gặp mặt biểu dương, nói chuyện chuyên đề... được tổ chức có hiệu quả; các sản phẩm truyền thông đa dạng như pano, áp phích, tờ rơi, tài liệu, poster, sách lật... nội dung chính sách dân số được đưa vào hương ước, quy ước của thôn, bản, tổ dân phố, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị... tạo sức lan tỏa, chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của người dân.

Tuy nhiên, thời gian gần đây công tác truyền thông dân số trên địa bàn tỉnh có lúc, có nơi chưa thực hiện thường xuyên, kịp thời, hiệu quả của truyền thông dân số chưa cao; Nội dung, phương pháp, hình thức truyền thông chưa được đổi mới, chủ yếu tập trung vào kế hoạch hóa gia đình, chưa chú ý nhiều đến các nội dung dân số và phát triển.

Các sản phẩm, trang thiết bị truyền thông từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu, chưa bắt kịp với công nghệ số hiện đại 4.0, internet, chưa đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động ở cơ sở.

Tổ chức, bộ máy và cán bộ làm dân số từ huyện đến cơ sở có sự thay đổi, nhất là đội ngũ công tác viên dân số thường xuyên thay đổi, kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ và kinh nghiệm công tác truyền thông vừa thiếu lại vừa yếu; tài liệu tập huấn chưa được chú trọng, đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chuyên môn về truyền thông- giáo dục.

Nguồn lực đầu tư cho công tác dân số nói chung, đặc biệt là công tác truyền thông- giáo dục dân số còn hạn chế, nhất là cấp huyện, xã.

Mức sinh của tỉnh tăng cao trở lại từ năm 2014 đến nay; năm 2019 Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình/1 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) là 2,31 con, là tỉnh có mức sinh cao, điều này đòi hỏi công tác truyền thông, giáo dục phải linh hoạt, đổi mới và tăng cường thường xuyên trong thời gian tới, đây là giải pháp tiên quyết để phấn đấu đạt mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh vào năm 2025.

Hiệu lực thi hành của pháp luật về dân số thấp, việc phát hiện xử lý các hành vi vi phạm lựa chọn giới tính thai nhi còn hạn chế; tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh cao, 126,3 bé trai/100 bé gái (kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở ngày 01/4/2019), cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của cả nước (111,5 bé trai/100 bé gái). Điều này đòi hỏi công tác truyền thông phải tiếp cận một cách phù hợp, hiệu quả nhằm lên án hành vi lựa chọn giới tính thai nhi trong cộng đồng và nâng cao hiệu quả, hiệu lực của thực thi pháp luật về dân số.

Các vấn đề về sức khỏe sinh sản còn nhiều hạn chế; trong đó có chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên, nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục và ung thư đường sinh sản khó kiểm soát; điều đó đòi hỏi công tác truyền thông phải thay đổi nội dung, cách thức và phương pháp tiếp cận toàn diện các vấn đề sức khỏe sinh sản cho phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số thực tế đòi hỏi phải đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động đến các nhà lãnh đạo, nhà quản lý, cơ quan, doanh nghiệp để có biện pháp, giải pháp phù hợp.

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra với tốc độ nhanh, kéo theo tình trạng di cư diễn biến phức tạp, khó quản lý; Tình trạng tảo hôn có dấu hiệu gia tăng, nhất là địa phương có khu cụm công nghiệp và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Lồng ghép yếu tố dân số trong quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương, cơ sở chưa được chú trọng. Việc cung cấp thông tin, số liệu về dân số lồng ghép trong phát triển còn hạn chế. Xã hội hóa các dịch vụ dân số còn gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy công tác truyền thông, vận động, giáo dục về dân số phải được quan tâm chú trọng, đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng, bảo đảm hiệu quả góp

phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu dân số và phát triển đến năm 2030 trên bàn tính.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020.

Truyền thông nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, chuyển đổi hành vi và ủng hộ tích cực của toàn xã hội trong việc giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phát triển bền vững đất nước.

### **2. Yêu cầu**

Các hoạt động phải bám sát nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, cung cấp thông tin, phổ biến pháp luật, vận động, tư vấn, can thiệp, hỗ trợ... nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về dân số và phát triển.

Các hoạt động truyền thông, cung cấp thông tin về dân số và phát triển phải được lồng ghép trong các hoạt động phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan để đảm bảo tính hiệu quả, đồng bộ, tránh chồng chéo, lãng phí.

## **III. ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

**1. Địa bàn thực hiện:** Trong phạm vi toàn tỉnh.

### **2. Đối tượng**

- Cấp ủy Đảng, chính quyền; các sở, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.
- Các chức sắc tôn giáo; trí thức, văn nghệ sỹ, những người có uy tín trong cộng đồng, dòng họ, gia đình...
- Người cao tuổi, nam, nữ, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.
- Trẻ em vị thành niên, thanh niên.
- Người lao động tại các khu/cụm công nghiệp.
- Cán bộ cung cấp dịch vụ (sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi).
- Phóng viên các cơ quan báo chí, cán bộ truyền thông và cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin cơ sở.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2020 đến năm 2030, được chia làm hai giai đoạn.

\* Giai đoạn 1: Từ năm 2020 đến 2025: Đổi mới toàn diện về nội dung, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp truyền thông cho phù hợp với từng nhóm đối tượng; nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục về chính sách, pháp luật về dân số; đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở; Tăng cường truyền thông về việc chuyển đổi trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Trong đó ưu tiên tập trung cao đồng bộ các giải pháp truyền thông, vận động chuyển đổi hành vi trong nhân dân để thực hiện mục tiêu giảm mức sinh, giảm tỷ lệ sinh con lần thứ 3 trở lên và giảm tỷ số giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh đạt mức sinh thay thế và đạt các mục tiêu trong Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Giang thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

\* Giai đoạn 2: Từ năm 2026 đến 2030: Tiếp tục đổi mới toàn diện về nội dung, phương pháp và hình thức truyền thông cho phù hợp với công tác dân số trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục. Tiếp tục truyền thông về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Trong đó tập trung các giải pháp truyền thông, vận động chuyển đổi hành vi để giải quyết toàn diện các vấn đề dân số. Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành các mục tiêu trong Kế hoạch hành động giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Bắc Giang thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh.

#### **IV. MỤC TIÊU**

##### **Mục tiêu 1**

Truyền thông nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở để huy động sự tham gia và cam kết với công tác dân số thông qua việc chỉ đạo, đầu tư nguồn lực, lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, phấn đấu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế, phân bố dân cư hợp lý, đưa tỉ số giới tính khi sinh về gần mức cân bằng tự nhiên, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về chương trình dân số và phát triển; ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến chương trình dân số và phát triển.

+ 100% cấp ủy, chính quyền các cấp cam kết bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và huy động kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác, sử dụng đúng mục tiêu kinh phí được hỗ trợ.

+100% cấp ủy, chính quyền, cơ quan, ban ngành, đoàn thể các cấp xây dựng kế hoạch chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các nội dung về dân số và phát triển tại địa phương, cơ sở.

## **Mục tiêu 2**

Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, sự ủng hộ và tích cực thực hiện của mọi người dân, đặc biệt là các cặp vợ chồng, nam, nữ ở độ tuổi sinh đẻ trong cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, phấn đấu đạt mức sinh thay thế.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 90% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai góp phần thực hiện thành công cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con và đạt 95% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ hiểu về lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai, sẵn sàng chấp nhận thực hiện kế hoạch hóa gia đình, cam kết sinh con đúng chính sách dân số và đạt 90% vào năm 2030.

## **Mục tiêu 3**

Truyền thông nâng cao nhận thức của toàn xã hội về lợi ích của việc kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị và quyền bình đẳng của trẻ em gái và không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 85% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin, hiểu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh và đạt 95% vào năm 2030; 80% các cặp vợ chồng cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 100% cán bộ và nhân viên y tế, cơ sở y tế cung cấp các dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi hiểu đúng các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

+ Đến năm 2025, 90% vị thành niên/thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi và đạt 95% vào năm 2030; 85% trong số đó hiểu biết đầy đủ các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 95% các cơ quan truyền thông đại chúng ở địa phương thường xuyên tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân

bằng giới tính khi sinh, tuyên truyền về giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ và bình đẳng giới và đạt 100% vào năm 2030.

#### **Mục tiêu 4**

Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, kỹ năng thực hành của mọi người dân về các vấn đề liên quan đến tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa về tảo hôn, tiến tới đẩy lùi tình trạng này, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 90% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin và hiểu rõ về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình và đạt 95% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên/thanh niên tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được cung cấp và hiểu biết đầy đủ các thông tin về hậu quả của tảo hôn và đạt 95% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh đạt 95% vào năm 2030. Tỷ lệ hiểu rõ được những kiến thức cơ bản của tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030;

+ Đến năm 2025, 70% phụ nữ mang thai đồng ý tham gia tầm soát trước sinh và đạt 80% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 60% bà mẹ đồng ý tầm soát sơ sinh và đạt 90% vào năm 2030.

#### **Mục tiêu 5**

Truyền thông nâng cao nhận thức, thái độ, kỹ năng thực hành của vị thành niên, thanh niên và đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên nhằm giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở nhóm đối tượng này.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 90% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục của tỉnh tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc lồng ghép các nội dung này vào các môn học/hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo và đạt 100% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 80% trẻ em vị thành niên/thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như: các biện

pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn... và đạt 90% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, có 80% trẻ em vị thành niên/thanh niên hiểu và có kỹ năng thực hành về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như biết cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, biết lựa chọn các biện pháp tránh thai phù hợp, hiểu được tác hại của việc phá thai, nắm được địa chỉ cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình... và đạt 85% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 70% cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên/thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và đạt 80% vào năm 2030.

## **Mục tiêu 6**

Truyền thông nâng cao nhận thức, tạo môi trường đồng thuận và tích cực tham gia của toàn xã hội vào phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

- Các chỉ tiêu cần đạt được:

+ Đến năm 2025, 75% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ và đạt 85% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 75% người cao tuổi hiểu và áp dụng các kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp, chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, đi khám sức khỏe định kỳ và đạt 85% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, 85% người dân hiểu được nghĩa vụ, trách nhiệm, đạo lý truyền thống trong chăm sóc, giúp đỡ và phát huy vai trò người cao tuổi; nghĩa vụ, trách nhiệm quan tâm, phụng dưỡng người cao tuổi; hình thành nền tảng nhận thức xã hội và ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc chủ động tự lo cho tuổi già khi còn trẻ và đạt 95% vào năm 2030.

## **V. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ**

### **1. Tăng cường cung cấp thông tin về dân số và phát triển đến cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp**

Định kỳ cung cấp thông tin cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể về tình hình kết quả thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về dân số và phát triển; những thành tựu, thách thức và những vấn đề dân số mới phát sinh.



Tổ chức Hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề và tổ chức các diễn đàn, đối thoại trên các phương tiện thông tin đại chúng về dân số và phát triển.

Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống Trường chính trị.

Sản xuất và cung cấp các tài liệu, sách mỏng về dân số và phát triển cho các cấp lãnh đạo.

## **2. Huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia truyền thông về dân số và phát triển; tiếp tục xây dựng, triển khai các chương trình phối hợp, tập trung xây dựng và triển khai các mô hình, hoạt động truyền thông toàn diện các nội dung về dân số và phát triển**

Các ban, ngành, đoàn thể thực hiện các biện pháp khuyến khích các thành viên, hội viên thực hiện chính sách dân số; tổ chức lồng ghép các nội dung dân số và phát triển vào các hoạt động chuyên môn, hoạt động thường xuyên của các ban, ngành, đoàn thể.

Hàng năm phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội triển khai các mô hình truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng tại cộng đồng; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, giao lưu, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, thi tìm hiểu, giao lưu văn nghệ, thể thao, giải trí...cho các nhóm đối tượng do các cơ quan, đơn vị quản lý, các thành viên, hội viên và nhân dân cư trú trên địa bàn.

Cung cấp thông tin dân số và phát triển cho các tổ chức xã hội, đơn vị, doanh nghiệp nhằm huy động nguồn lực, sự tham gia đồng đảo của các lực lượng xã hội trong các hoạt động truyền thông, cung cấp dịch vụ về dân số và phát triển.

Cung cấp thông tin, vận động, huy động những chức sắc tôn giáo, các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông, ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào sinh hoạt của cộng đồng, sinh hoạt văn hóa dân gian; đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn thôn/bản/tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa.

Tổ chức các sự kiện truyền thông, thu hút đồng đảo các lực lượng tham gia, tạo dư luận xã hội đồng thuận, ủng hộ việc thực hiện các hành vi có lợi và phê phán các hành vi vi phạm về dân số và phát triển. Hàng năm tổ chức các sự kiện vào dịp kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới (11/7), Ngày Thalassemia Thế giới (8/5), Ngày Tránh thai thế giới (26/9), Ngày Quốc tế Người cao tuổi (1/10), Ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10), Tháng Hành động Quốc gia về Dân số (Tháng 12) và Ngày Dân số Việt nam (26/12).

## **3. Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển; bảo đảm về chất lượng, đổi mới về hình thức, nội dung**

Định kỳ hàng năm sản xuất hoặc nhân bản các tài liệu và sản phẩm truyền thông theo mẫu của Trung ương như: Pa nô, áp phích, tờ rơi, sách mỏng, tranh

lật, phóng sự, bản tin chuyên đề, thông điệp truyền hình, thông điệp phát thanh..., về nội dung dân số và phát triển.

Tham gia các cuộc thi sáng tác tranh, kịch bản, ca khúc, thơ ca, triển lãm ảnh ... về các nội dung mới của công tác dân số do Trung ương tổ chức.

Thường xuyên cập nhật, tuyên truyền các thông tin dân số và phát triển trên Báo Bắc Giang và hệ thống Đài tỉnh, huyện, xã.

#### **4. Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng**

Phối hợp với các cơ quan truyền thông như Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang, Sở Thông tin và Truyền thông... tăng cường thời lượng phát sóng, đăng tải các chuyên mục, phóng sự, chuyên trang, tin, bài, sách, ảnh,... về nội dung, các chuyên đề dân số và phát triển.

Cung cấp thông tin cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên của các cơ quan truyền thông đại chúng; hỗ trợ xây dựng nội dung tuyên truyền trên Đài truyền thanh của xã, phường, thị trấn, nhất là đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

Mở rộng các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về dân số và phát triển qua Internet, các trang Web, trang tin điện tử, mạng xã hội và các phương tiện truyền tin khác; chú trọng các trang tin có nhiều người truy cập, các trang tin mà vị thành niên/thanh niên, nam giới và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ ưa thích, quan tâm.

Tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm trên sóng phát thanh và truyền hình; tham gia các cuộc thi về dân số và phát triển trên mạng do trung ương phát động.

#### **5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp của hệ thống dân số các cấp**

Tổ chức các cuộc mít tinh, cổ động, truyền thông lưu động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số tại các cấp.

Tổ chức tốt các đợt Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình; tổ chức nói chuyện chuyên đề về công tác dân số và phát triển đến các địa bàn có tỷ suất sinh, tỷ lệ sinh con lần thứ 3 trở lên và tỷ số giới tính khi sinh cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Cung cấp thông tin, hỗ trợ cộng đồng đưa nội dung truyền thông dân số và phát triển lồng ghép vào các cuộc họp, sinh hoạt văn nghệ, thể thao, giải trí của nhân dân tại khu dân cư, đặc biệt là hỗ trợ việc đưa chính sách dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng.

Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ công tác viên, nhân viên y tế - dân số khi đến thăm hộ gia đình. Định kỳ bồi

dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cộng tác viên trong các buổi tập huấn, cuộc họp giao ban hàng tháng.

Tuyên truyền tạo phong trào cho mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao chất lượng cuộc sống.

## **6. Mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục thân thiện, phù hợp với vị thành niên, thanh niên**

Nâng cao vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc giáo dục kiến thức, kỹ năng sống cho vị thành niên, thanh niên về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, hôn nhân và gia đình, giới tính, bình đẳng giới, không kết hôn sớm cho vị thành niên, thanh niên.

Phối hợp với Ngành Giáo dục, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Liên đoàn Lao động, nhà trường và cộng đồng dân cư để xây dựng, triển khai, mở rộng mô hình giáo dục hiệu quả, truyền thông chuyên biệt cho vị thành niên, thanh niên; duy trì và từng bước mở rộng các mô hình truyền thông, giáo dục thân thiện cho vị thành niên/thanh niên như giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, góc kiến thức, góc thân thiện, hoạt động ngoài giờ lên lớp; thi tìm hiểu kiến thức về dân số/ sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới... tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, trường chuyên nghiệp, các khu dân cư, khu, cụm công nghiệp và tại cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn cho người cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình để bảo đảm cung cấp các dịch vụ mang tính thân thiện, bình đẳng, riêng tư và phù hợp với tâm lý lứa tuổi vị thành niên/ thanh niên.

Sản xuất, nhân bản các sản phẩm truyền thông và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí liên quan đến dân số và phát triển phù hợp với vị thành niên/thanh niên.

## **7. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác truyền thông; huy động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân cho công tác truyền thông về dân số và phát triển**

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, sản xuất các sản phẩm truyền thông như: biên soạn tờ tin, tờ rơi, xây dựng thông điệp truyền hình, thông điệp phát thanh... nhằm vận động cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp ban hành các nghị quyết, chính sách, quy định ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động xã hội hóa công tác truyền thông về dân số và phát triển nhằm thu hút các nguồn lực hợp pháp từ mọi thành phần trong xã hội.

Tổ chức các cuộc tập huấn, nói chuyện chuyên đề, truyền thông trực tiếp, gián tiếp... nhằm cung cấp, cập nhật kiến thức và huy động sự ủng hộ của cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp đối với các hoạt động xã hội hóa công tác truyền thông về dân số và phát triển.

Tổ chức các chiến dịch, hoạt động, sự kiện truyền thông về dân số và phát triển nhân các ngày lễ, kỷ niệm của ngành có sự đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, tập thể, cá nhân quan tâm.

Thường xuyên tuyên truyền trên các loại hình truyền thông về lợi ích của việc đầu tư cho công tác dân số và phát triển nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của lãnh đạo chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện cũng như định hướng dư luận cho người dân địa phương.

### **8. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ truyền thông**

Cung cấp thông tin cập nhật kiến thức về dân số và phát triển, chính sách, pháp luật mới ban hành; hướng dẫn nội dung truyền thông ưu tiên, thông điệp chuẩn của vấn đề, chủ đề dân số cho đội ngũ phóng viên báo chí, cán bộ truyền thông của các cơ quan, đơn vị truyền thông đại chúng và các điểm tư vấn

Tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho cán bộ truyền thông trong hệ thống dân số các cấp từ tỉnh đến cơ sở; đồng thời cập nhật kiến thức kỹ thuật, kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại trên trang tin điện tử, mạng xã hội, qua Internet, điện thoại di động...

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông về dân số và phát triển cho đội ngũ báo cáo viên, cán bộ truyền thông các ngành có hoạt động phối hợp.

### **9. Giám sát, đánh giá**

Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát, hỗ trợ về công tác truyền thông.

Tổ chức đánh giá, sơ kết giữa kỳ thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và tổng kết đánh giá Kế hoạch vào năm 2030.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Nguồn kinh phí:** *(Có phụ lục 01, 02 kèm theo).*

Kinh phí thực hiện được huy động từ các nguồn:

- Kinh phí Trung ương từ nguồn Chương trình mục tiêu (nếu có).
- Kinh phí địa phương dự kiến nhu cầu là: 23.000.000.000 đồng. (Hai mươi ba tỷ đồng) bao gồm:

+ Ngân sách tỉnh: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)

+ Ngân sách huyện: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

- Kinh phí từ nguồn ngân sách cấp xã và huy động từ các chương trình, đề án, nhà tài trợ, xã hội hóa (nếu có)

### **2. Nội dung và mức chi**

Các hoạt động, nhiệm vụ của Kế hoạch Truyền thông thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số đến năm 2030 và các kế hoạch, đề án khác liên quan.

Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả về UBND tỉnh, Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - KHHGD.

Tổ chức sơ kết vào năm 2025 và tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2030.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:** Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan đưa các mục tiêu, chỉ tiêu dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

Cân đối ngân sách, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch Truyền thông trên địa bàn tỉnh, phù hợp khả năng ngân sách và đúng quy định hiện hành.

**3. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chỉ đạo định hướng các cơ quan báo chí, phát thanh - truyền hình, xuất bản và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về các nội dung liên quan đến dân số và phát triển; xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm có nội dung vi phạm chính sách dân số.

**4. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên, nhân viên y tế trong trường học về giới, giới tính, dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới và tổ chức giảng dạy lồng ghép nội dung này cho học sinh, sinh viên; tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên/thành niên trong các cơ sở giáo dục.

**5. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bắc Giang:** Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp về công tác dân số trên các loại hình báo chí, đa dạng các hình thức tuyên truyền chuyên sâu như sản xuất chương trình giao lưu, tọa đàm, phim phóng sự; phát huy lợi thế của các loại hình truyền thông phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử; nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

**6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:** Xây dựng và triển khai Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 trên cơ sở điều kiện, đặc điểm tình hình cụ thể về công tác dân số của từng địa phương. Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương phù hợp để tổ chức các hoạt động truyền thông dân số trên địa bàn huyện, thành phố.

**7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:** Phối hợp chỉ đạo tổ chức triển khai Kế hoạch; đẩy

manh công tác truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về dân số và phát triển cho cán bộ hội, hội viên, đoàn viên và cộng đồng dân cư.

Trên đây là Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công.

***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế;
- Tổng cục Dân số - KHHGĐ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Báo Bắc Giang;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, TKCT, KT, NC;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ánh Dương**